

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2025/HS-PT
Ngày 30 - 7 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang và bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 174/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2025. Do có kháng cáo của bị cáo T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 126/2025/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:**

Họ và tên: T; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 9 năm 1984, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 11, đường TL, phường TA, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (Nay là số nhà 11, đường TL, phường TA, tỉnh Đắk Lắk); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nội trợ; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Xuân A (đã chết) và con bà X Thị Mỹ B; Bị cáo có chồng là Hoàng Minh Q; bị cáo có 01 con sinh năm 2022; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14 tháng 11 năm 2023, cho đến nay (có mặt).

Người bị hại: Ông Trần Xuân C (có mặt)

Địa chỉ: Buôn AB, phường ET, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Buôn AB, phường EK, tỉnh Đắk Lắk).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Hoàng D (vắng mặt)

Địa chỉ: 52/38 BTX, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Ông Hoàng Minh Q (vắng mặt)

Địa chỉ: 11 TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Ông Nguyễn Văn S (vắng mặt)

Địa chỉ: 33B Y W, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

4/ Ông Trần Tuấn K (vắng mặt)

Địa chỉ: 362/137 Võ Văn K1, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

5/ Ông Nguyễn V (vắng mặt)

Địa chỉ: 41 YK, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

6/ Ông Huỳnh Ngọc X (vắng mặt)

Địa chỉ: 3/12 Y NK, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/8/2022, Công an thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra hành chính cơ sở Massage ĐH II, địa chỉ: Đường 30/4 phường ET, thành phố BMT của gia đình ông Trần Xuân C (sinh năm 1971; trú tại: Buôn AB, phường ET, thành phố BMT). Trong quá trình Cơ quan Công an kiểm tra thì ông C sử dụng số điện thoại 0942960707 và số điện thoại 0868298619 (gắn trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xám) nhiều lần gọi đến số điện thoại 0988347939 (gắn trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax) của ông Lê Hoàng D (sinh năm 1985; trú tại: Tổ dân phố 7, phường TL, thành phố BMT) nhờ Hoàng D tác động với lực lượng kiểm tra, nhưng Hoàng D lấy lý do đang ở huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk nên không đồng ý (Hoàng D là Phó trưởng Công an xã EP, huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk, nhưng thời điểm trên đang ở nhà tại thành phố BMT). Sau khi Cơ quan Công an phát hiện tại cơ sở Massage trên có hành vi chứa mại dâm và mời những người liên quan, gồm: Bà Hoàng Thị H (sinh năm 1972, là vợ ông C), anh Trần Xuân O (sinh năm 1994, là con ruột ông C), anh Nguyễn Văn P (sinh năm 1988, là con rể của ông C) và 03 (ba) nhân viên nữ của cơ sở Massage về Cơ quan Công an làm việc, thì ông C tiếp tục gọi điện thoại cho Hoàng D nhờ tìm người giúp ông C xin cho những người trên được bảo lãnh và không bị xử lý. Hoàng D nói ông C gặp trực tiếp lực lượng kiểm tra để xin hoặc gọi điện cho những người ông C quen biết để nhờ và ông C đã gọi điện cho một số người ông C quen biết nhờ giúp nhưng không được, nên tiếp tục điện thoại nhờ Hoàng D, thì Hoàng D đồng ý. Do bản thân quen biết với T và thấy T có nhiều mối quan hệ với một số cán bộ, chiến sỹ đang công tác trong lực lượng Công an thành phố Buôn Ma Thuột, nên Hoàng D gọi điện qua ứng dụng Zalo đến tài khoản Zalo của T (cài đặt trên chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, gắn Sim điện thoại có số thuê bao 0856721234) nói về việc vi phạm pháp luật tại cơ sở Massage của gia đình ông C, đồng thời nhờ T liên hệ Công an

thành phố Buôn Ma Thuột xin cho người thân cùng nhân viên của ông C được bảo lãnh, thì T đồng ý và nói Hoàng D gửi số điện thoại của T cho ông C trực tiếp liên hệ với T. Đến khoảng 08 giờ ngày 10/8/2022, Hoàng D gọi điện thoại cho ông C thông báo đã nhờ được T xin cho người thân cùng nhân viên cơ sở Massage của ông C được bảo lãnh và nói ông C cầm theo số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đưa cho T để cảm ơn nếu T nhận lời (khi điện thoại cho ông C, thì Hoàng D nói T là cháu của một đồng chí lãnh đạo Công an tỉnh Đắk Lắk), rồi Hoàng D gửi số điện thoại 0856721234 của T để ông C liên hệ. Ông C gọi điện thoại đến số điện thoại trên của T và được T hẹn gặp tại quán cà phê F5, địa chỉ: 97 K, phường TA, thành phố BMT. Sau đó, ông C đến nhà con ruột là chị Trần Thị Hằng (sinh năm 1992; trú tại: Buôn AB, phường ET, thành phố BMT) mượn số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), rồi bỏ số tiền trên vào trong bì thư màu trắng để đi đến gặp T tại quán cà phê F5. Tại đây, ông C nói cho T biết về việc vi phạm pháp luật tại cơ sở Massage của gia đình ông C và Cơ quan Công an đã mời vợ, con cùng nhân viên của ông C về trụ sở làm việc, ông C muốn xin tại ngoại và không bị xử lý cho những người này. T đồng ý và nói số tiền chi phí là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Ông C đồng ý với số tiền T đưa ra ở trên và đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đã chuẩn bị trước đó (việc đưa tiền không có tài liệu thể hiện), rồi nói T cho số tài khoản ngân hàng để ông C chuyển khoản số tiền còn lại, đồng thời lấy trong ví 01 (một) túi giấy đựng ảnh màu trắng, có chữ màu đỏ “Photo – Camera Phi Tuyết” để ghi lại số tài khoản ngân hàng của T, thì T viết số tài khoản ngân hàng của T cho ông C, cụ thể: “T 0231000048975 VCB”. Sau khi ở quán cà phê ra về, thì ông C điện thoại nói cho Hoàng D biết về việc T đã nhận lời giúp cho người thân và nhân viên của ông C được bảo lãnh, không bị xử lý hình sự với chi phí như trên. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, ông C đến nhà ông Nguyễn Văn S (sinh năm 1965; trú tại: 33B Y W, phường ET, thành phố BMT), kể cho ông S biết về việc Công an thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra cơ sở Massage của gia đình ông C phát hiện có hành vi chứa mại dâm nên lập biên bản đưa vợ, con cùng nhân viên của ông C về trụ sở Công an làm việc, đồng thời nói đã nhờ T xin cho người thân của ông C không bị xử lý và hỏi mượn tiền ông S để chuyển cho T lo chi phí xin cho người thân của ông C. Do sợ không có bằng chứng về việc chuyển tiền nên lúc này ông C hỏi ông S là có cách nào để lưu lại làm bằng chứng không, thì ông S nói ông C điện thoại cho T rồi ghi âm lại cuộc gọi. Vì vậy, ông C đã gọi điện thoại cho Hoàng D hỏi về việc ông C đưa tiền cho T, thì T có xin được cho người thân cùng nhân viên của ông C được bảo lãnh và không bị xử lý hình sự không. Hoàng D nói T có nhiều mối quan hệ nên nếu ông C đáp ứng được điều kiện của T (nghĩa là đưa tiền cho T như thỏa thuận), thì T sẽ thực hiện được yêu cầu của ông C và chịu trách nhiệm về việc ông C đưa tiền cho T (C ghi âm cuộc nói chuyện này), cụ thể:

“C: Con bé đây thì anh không biết nhưng mà nó hứa vậy có chuẩn không?”

Hoàng D: Cái đó em chịu trách nhiệm cho anh; điều kiện mình đưa ra được là được ...nó ra điều kiện mình đáp ứng được là được.

C: Chuyển khoản cho nó là cũng có cơ sở rồi, đúng không? Trường hợp xấu.

Hoàng D: Đúng rồi, không có cái đó đâu. Em chịu trách nhiệm cho.

C: Anh không biết nó là ai nhưng mà em thì tin. Có nghĩa là này nó bảo trắng án có nghĩa là hủy hết hồ sơ đấy, thì nó bảo thế.

Hoàng D: Nói chung không bị xử lý..thằng K với lại chị H không bị gì hết là được.

C: Có nghĩa là xử lý hành chính hay cái gì cũng không còn luôn, đúng không?

Hoàng D: Dạ, vậy là ngon quá luôn chứ tối qua anh năn nỉ người ta nhận người ta làm sao được nhận, thằng... kia nó còn chưa; quyền nó to thế còn chưa dám giúp anh nữa;...ngại quá em mới nhờ thôi còn anh với người khác không có nhờ đâu.

C: Thì anh hiểu rồi....; nhưng mà cái quan trọng nhất là mình đưa tiền rồi cuối cùng nó vẫn khởi tố là khổ lắm, chết luôn đấy.

Hoàng D: Cái đó em chịu trách nhiệm nhá, em chịu trách nhiệm cho; người ta đã nhận là người ta giúp.”

Tiếp theo, ông C gọi điện thoại cho T xác nhận nội dung thỏa thuận giữa ông C với T (C ghi âm cuộc nói chuyện này), cụ thể:

“C: Giờ anh đang chỗ ông bạn anh chờ ông ấy lên lầu ông lấy sổ để ông ấy tích thẻ ông ấy bắn ra cho anh, bắn cho em.

T: Dạ!

C: Nhưng mà bây giờ anh nói em này, này em nói anh là cái giá hai trăm bốn mươi triệu là trắng án có nghĩa là xong hết không còn cái gì nữa phải không?

T: Đúng rồi

C: Có nghĩa là chiều nay về luôn đấy.

T: Dạ!

C: Đây em cứ hỏi Hoàng D, anh C sống với Hoàng D như thế nào thì từ từ em sẽ biết.....nó tốt với nhau và nó thật với nhau thì anh chỉ biết em thôi. Bây giờ có nghĩa là không khởi tố, không làm gì nữa có nghĩa là hủy hồ sơ luôn đúng không?

T: Dạ đúng rồi.

C: Hả?

T: Đúng rồi, đúng rồi.

C: Vậy là chiều nay cho về hay là bây giờ cho về luôn?

T: Thì em nói trong vòng hai bốn tiếng đó, em nói hồi này rồi.”

Trong thời gian gọi điện cho Hoàng D và cho T, thì ông C đều mở loa ngoài của điện thoại cho ông S cùng nghe, sau đó ông C vay của ông S số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và nhờ ông S chuyển số tiền này đến số tài khoản ngân hàng của T. Ông S dùng ứng dụng Banking chuyển số tiền trên từ tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0231000678290 của ông S đến tài khoản ngân hàng số 0231000048975 của T (ông S chuyển tiền làm 02 (hai) lần mỗi lần 100.000.000 đồng). Tiếp theo, ông C mượn thêm của chị Hằng số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và đưa số tiền này cho T tại khu vực trước cổng nhà của T, địa chỉ: 11 TL, phường TA, thành phố BMT (việc đưa tiền không có tài liệu thể hiện). Khoảng 17 giờ cùng ngày, ông C được Công an thành phố Buôn Ma Thuột thông báo đến nhận bảo lãnh cho vợ, con ruột và nhân viên về tại địa phương, còn con rể của ông C là anh Nguyễn Văn P bị tạm giữ hình sự để điều tra về hành vi Chứa mại dâm (vụ án đã được xét xử). Thấy anh P vẫn bị tạm giữ nên ông C điện thoại cho T nói về việc thỏa thuận với T xin cho người thân của ông C không bị xử lý hình sự, nhưng anh P vẫn bị tạm giữ (C ghi âm cuộc nói chuyện này), cụ thể:

“T: Alo?”

C: Alo ừ sao đang gọi mà em đã tắt đi? Thì giờ em phải giải ...

T: Ủa sao anh kêu anh gọi Hoàng D mà?

C: Thì anh bảo gọi Hoàng D nhưng mà quan trọng là ở em chứ giờ anh gọi Hoàng D thì nó ở huyện mà chủ yếu là ... là là là em, thì bây giờ em đã bảo là.

T: Thế nhưng hồi sáng em cũng đã hỏi anh là hai tên người vợ với con trai là gì thì là đọc hai tên người đó rồi mà ...

C: Nhưng mà em đã nói là cái cái vụ của anh là trắng án, có nghĩa là giúp thì giúp vậy chứ đi giúp.

T: Không, em không nói cái vụ của anh, em giúp hai người đó, mệt quá.

C: Em bây giờ em đã giải quyết anh là vừa trắng án rồi mà giờ lại vậy thì không có được rồi.

T: Đấy, vậy mà cái vụ đó em hỏi hai người làm cái gì? Trời ơi, em đã nói hai người đó trắng đi về rồi mà?

C: Trắng án thì bây giờ là em nói hai vụ, hai con người, vợ của anh nhà, với con anh nó không ảnh hưởng gì, không.

T: Hai người đó thôi, không em không biết gì nữa cả, cơ sở rồi massage rồi con rể nhà anh đâu, hồi sáng em chỉ hỏi hai người họ tên vợ ở, gì.

C: Anh, anh cầu Hoàng D nó biết hết, mà bây giờ thì Hoàng D nó nói với em làm ra làm sao, cơ sở như thế nào, nói.

T: Có hai người kia con trai với lại lại lại lại vợ thôi, có nói gì tới.

C: Vợ anh con ... con ... rể anh rồi nhân viên mấy đứa nhân viên của anh ba bốn đứa nhân viên.

T: Ủa không, ủa thì anh phải nói từ sáng anh nói luôn đi chứ tự nhiên anh nói như vậy, em đã nói là hai người rồi mà? Em đã nói là hai người chứ không có có nói.

C: Nôm na giờ anh, anh nói em này, mọi, mọi cái á thì bây giờ em nói xem mấy trăm triệu, hai trăm bốn chục triệu của anh chứ đâu phải là nhỏ, là bây giờ con anh, vợ anh không ảnh hưởng một cái gì cả, còn đứng giấy phép kinh doanh thì là vợ anh đứng giấy phép kinh doanh, còn đứa nào làm sai thì đứa ấy chịu chứ, mà bây giờ ... mấy cái sai vậy thì mới to chứ vợ anh nó có ảnh hưởng gì đâu mà.

T: Mấy cái đó sao em biết được hồi sáng em gọi lên trên đó em dặn là hai người là hai người đó là được đi về thôi là như vậy.

C: Nhưng bây giờ em nhận anh là hai trăm bốn chục triệu mà vợ anh nó có ảnh hưởng gì không mà phải đi mang đi mang ra ra ngoài đó?

T: Cái đó thì em không biết được.

C: Không, nhưng mà, anh biết.

T: Cái đó là đã nói hai người đó thì hai người đó thôi chứ còn em chịu, trên công an người ta làm cái gì sao em biết được mà?

C: Không biết, em em em gọi điện cho Hoàng D em hoặc là em, không thì để anh gọi điện nhưng mà em gọi điện cho Hoàng D giải quyết kiểu gì đi còn như vậy là không có được rồi, anh nói em là vậy là không được rồi đấy, chứ giờ mẹ, anh, em đã nói anh trắng án, Hoàng D cũng nói như thế, phải trắng án.

T: Ý là trắng hai người đó, em đã nói hai người đó rồi mà.

C: Trắng án gì hai người đó, nôm na thì bây giờ như này này.

T: Không có cơ sở, làm gì có cái chuyện đó anh, làm gì có cái chuyện đó?

C: Em giải quyết cái gì thì em em gọi điện, em nói với cấp trên đi cho nó xong đi, cho anh cái đi.

T: Không có nói được, đã nói là hai người đó là người đó rồi ...

C: Sao không nói được thì nói làm gì? Vậy thì không có được, còn không có thì em phải gửi tiền lại cho anh anh cho đi tù luôn.

T: Trời trời anh ơi, em đã nói hai người đó em đưa tiền cho người ta rồi anh đòi lại là sao?

C: Anh, em không có thì em giả tiền lại, còn đừng để mà anh em mình mất lòng nhau là không có được, thì tốt nhất là bây giờ em giải quyết tình cảm, em, anh đã nói em rồi, anh là người dân anh không biết một cái gì cả, thì bây giờ em bảo anh hai trăm bốn chục triệu thì anh cũng trả cho em hai trăm bốn chục triệu rồi.

T: Thôi vậy để em gọi Hoàng D cái đã.

C: Ừ.

T: Em đã nói hai người đó rồi mà.

C: Em điện em điện cho Hoàng D đi, nhá, em điện Hoàng D với lại điện lại cho anh luôn.”

Tiếp đó ông C gọi điện thoại cho Hoàng D nói về việc Hoàng D và T không thực hiện đúng như thỏa thuận (C ghi âm cuộc nói chuyện này), cụ thể:

“C: ... thế bảo là trắng án mà sao lại ... công an thành phố nó vừa gọi anh là anh ... lên anh ký bảo lãnh cho nhân viên với lại thằng K với lại bà H về, còn ... thằng P nữa thì sao? Với hai ... sao anh, anh đã nói là ... không việc, không việc gì thì trắng án rồi mà sao lại, hả?

Hoàng D: Ủa thì bảo lãnh thì lên bảo lãnh cho về thôi chứ sao?

C: Thì sao lại còn phải bảo lãnh nữa? Vậy là vẫn còn ... em bảo trắng án ...

Hoàng D: Không không không.

C: Trắng án như thế nào hả em?

Hoàng D: Ủa chứ bây giờ, bây giờ anh ... ví dụ như là nhân viên anh nó ra ngoài đường xe nó tông nó chết cụ nó nó kêu là công an đánh thì sao? Anh phải bảo bảo lãnh về chứ có sao đâu?

C: À ờ, ờ ờ có nghĩa là xong đúng không?

Hoàng D: ...Ờ.

C: Nhưng mà vậy thì thằng P thì sao?

Hoàng D: Em chịu á, hỏi thử coi hỏi hỏi con ấy á, hỏi con T á.

C: Thì con T nó lại bảo là bây giờ ... chỉ giải quyết cho thằng K với lại bà H thôi còn mấy đứa nhân viên với lại thằng P không biết.

Hoàng D: Thì hỏi sáng anh với nó làm việc sao? ...

C: ... thì bây giờ em nói là trắng án có nghĩa là cái vụ này là, có nghĩa là nôm na là giúp rồi thì giúp cho nó xong luôn, có nghĩa là trắng án là trắng án luôn.

Hoàng D: Hỏi sáng em, em kêu anh trên đó anh gặp trực tiếp anh nói chuyện luôn anh như thế nào nguyện vọng như thế nào muốn như thế nào ... em có trên đó em kết nối cho anh gặp thôi mà.

C: Thì đây thì em nói trắng án thế bây giờ là trắng án là nó như vậy chứ giờ lại, lại lên quay lại thằng P nó ở lại nữa thì là sao?

Hoàng D: Để em em hỏi nó thử coi nhá.

C: Ủ em điện đi ... có gì giúp cho nhau đi chứ đừng để là.”

Sau đó, Hoàng D và ông C tiếp tục gọi điện thoại qua lại cho nhau. Trong đó ông C yêu cầu Hoàng D nói với T tiếp tục xin cho con rể của C nếu cần thêm chi phí thì ông C sẽ lo thêm, còn Hoàng D nói: “T nói với Hoàng D là giữa C

với T chỉ thỏa thuận xin cho vợ và con ruột của ông C, không xin cho con rể và nhân viên của ông C”, đồng thời hẹn cuối tuần sẽ dẫn ông C đến gặp T để giải quyết (C ghi âm các cuộc nói chuyện này). Ngày 11/8/2022, ông C cùng anh Trần Tuấn K (sinh năm 1991; trú tại: 362/137 Võ Văn K1, phường KX, thành phố BMT, là cháu của ông C) đến nhà T để yêu cầu T tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận, thì gặp chồng của T là ông Hoàng Minh Q đang ở khu vực trước cổng nhà của T, ông C nói cho Q biết về thỏa thuận giữa ông C với T nhưng hiện T mới chỉ lo được cho vợ, con ruột và nhân viên của ông C, còn con rể ông C là anh P vẫn bị tạm giữ hình sự nên muốn T tiếp tục liên hệ với Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xin bảo lãnh cho anh P. Do sợ ồn ào nên Q nói ông C đến quán cà phê BT, địa chỉ: 12 LD, phường TT, thành phố BMT để Q chở T ra gặp nói chuyện. Ông C cùng anh K đến quán cà phê trên được một lúc thì Q, T cùng với anh Nguyễn V (sinh năm 1990; trú tại: 41 YK, phường TL, thành phố BMT) và anh Huỳnh Ngọc X (sinh năm 1991; trú tại: 3/12 Y NK, phường TL, thành phố BMT) đến gặp ông C, ông C yêu cầu T tiếp tục xin bảo lãnh cho anh P, nếu không phải trả lại tiền cho ông C, nhưng T không đồng ý và nói việc của ông C thì T đã thực hiện xong nên giữa hai người xảy ra cãi nhau, do sợ xảy ra đánh nhau nên ông C và anh K bỏ đi về. Khoảng 15 giờ ngày 12/8/2022, Hoàng D hẹn ông C và T đến quán cà phê Bảo Tàng để nói chuyện. Lúc này, ông C đi cùng với anh K; T đi cùng với Q, V và X đến quán cà phê BT. Tại đây, ông C nói về việc ông C thỏa thuận nhờ T xin cho 06 (sáu) người được bảo lãnh nhưng T mới chỉ xin được cho 05 (năm) người, đồng thời tiếp tục yêu cầu T xin bảo lãnh cho anh P như thỏa thuận và nếu cần thêm tiền ông C sẽ lo, nếu không thì trả lại số tiền đã nhận của ông C. T nói giữa ông C và T không thỏa thuận gì hết, thì anh K nói ông C lấy file ghi âm mở cho T nghe. Nghe vậy thì T chửi ông C, còn X thì cầm ly nước trên bàn tạt trúng vào người ông C. Lúc này V can ngăn rồi cùng với Q, T và X ra xe ô tô để đi về. Khi nhóm người bên T lên xe đi về thì ông C cùng K đuổi theo, thì bị X xuống xe dùng tay, chân đánh ông Trần Xuân C (gây thương tích 0%), còn V thì đuổi theo anh K nhưng được Hoàng D can ngăn. Sau đó, ông C đã đến Công an phường TT, Thành phố BMT trình báo vụ việc và làm đơn tố giác T cùng Lê Hoàng D có hành vi chiếm đoạt số tiền 240.000.000 đồng của ông C.

*Quá trình điều tra xác định: Số tài khoản ngân hàng 0231000048975 là của T được đăng ký, mở tài khoản tại ngân hàng Vietcombank vào ngày 29/01/2004 và sử dụng cho đến nay. Ngày 10/8/2022, trước khi ông C chuyển tiền đến thì số dư trong tài khoản này là 13.067.613 đồng, sau khi nhận từ tài khoản 0231000678290 (mở tại ngân hàng Vietcombank) của ông Nguyễn Văn S số tiền 200.000.000 đồng (tin nhắn đến trên điện thoại thể hiện lần lượt vào lúc 11h11’18’’ và 11h33’42’’), thì tài khoản trên của T đã có những giao dịch chuyển tiền đến nhiều tài khoản khác nhau trong đó có số tài khoản của chồng T là Hoàng Minh Q và của Lê Hoàng D, cụ thể như sau:

- Thời điểm 11h47’35’’ ngày 10/8/2022 (tin nhắn đến trên điện thoại thể hiện), tài khoản số 0231000048975 Vietcombank của T lần lượt phát sinh giao dịch chuyển tổng số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng)

đến số tài khoản 23088011077779 cũng của T mở tại Ngân hàng TMCP HHVN (ngân hàng MSB- Tại thời điểm trước khi nhận tiền chuyển thì số dư trong tài khoản MSB này có số tiền là 3.614.939 đồng); chuyển số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng) đến số tài khoản 0251002689999 của chồng T là Hoàng Minh Q, mở tại ngân hàng Vietcombank.

- Đối với tài khoản 23088011077779 MSB của T: Sau khi có số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) từ tài khoản nhân hàng Vietcombank của T chuyển đến, thì trong ngày 10/8/2022 đã chuyển số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến tài khoản số 0251002689999 Vietcombank của chồng T là Hoàng Minh Q; chuyển số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) đến số tài khoản 02310000554739 Vietcombank của Lê Hoàng D; chuyển số tiền 3.640.000 đồng đến số tài khoản 19035905392017 Techcombank của chị Nguyễn Thị Lê T (sinh năm 1992; trú tại: Thôn 9, xã Hòa C, thành phố Buôn Ma Thuột – T khai là do T trả tiền mua quần áo) và chuyển số tiền 1.393.000 đồng, đến số tài khoản 19037740215010 (chưa xác định chủ tài khoản hoặc người nhận); thực hiện 03 (ba) lần rút tiền mặt trong tài khoản với tổng số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

+ Ngày 11/8/2022, tài khoản ngân hàng MSB của T tiếp tục chuyển số tiền 10.000.000 đồng, đến số tài khoản 0251002689999 Vietcombank của chồng T là Hoàng Minh Q và chuyển số tiền 2.298.000 đồng đến số tài khoản 19738002467011 của T mở tại Ngân hàng TMCP Techcombank.

- Đối với số tài khoản 0251002689999 Vietcombank của Hoàng Minh Q: Vào ngày 10/8/2022, trước khi có số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng) từ tài khoản Vietcombank và số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) từ tài khoản MSB của T chuyển đến, thì số dư trong tài khoản này là 25.787.756 đồng. Sau khi có tổng số tiền 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) từ 02 (hai) tài khoản ngân hàng trên của T chuyển đến, thì trong ngày 10/8/2022 đã phát sinh giao dịch sau,

+ Chuyển số tiền 20.000.000 đồng đến số tài khoản 40284456789 đăng ký tại ngân hàng SCB của bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1979; trú tại: 130/7 ĐK, phường TL, thành phố BMT - H1 khai Q chuyển tiền đặt cọc mua đất chung giữa Q với H1, nhưng bà H1 không nhớ mua đất ở đâu);

+ Chuyển số tiền 9.000.000 đồng đến số tài khoản 5200205912190 đăng ký tại ngân hàng Agribank của chị Nông Thị H2 (sinh năm 1994; trú tại: 48 ĐN, phường TL, thành phố BMT - H2 khai số tiền trên do chồng của H2 là Đinh Ngọc H3 vay của Q, nhưng do không có tài khoản ngân hàng nên đã nhờ tài khoản của H2 để nhận tiền vay từ Q);

+ 03 (ba) lần rút tiền mặt tại trụ ATM với tổng số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và 01 (một) lần rút tiền tại ngân hàng với số tiền là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng).

* Tại Cơ quan điều tra,

- T khai: Ngày 10/8/2022, khi T đang uống cà phê tại quán cà phê F5, địa chỉ: 97 KV, phường TA, thành phố BMT thì Lê Hoàng D gọi điện thoại cho T nói về người nhà của ông Trần Xuân C bị Cơ quan Công an bắt nên nhờ T xin tại ngoại (bảo lãnh) và nói đưa số điện thoại của T cho ông C để ông C trực tiếp liên hệ thì T đồng ý (khi gọi điện thì Hoàng D không nói rõ tên ông C mà nói là: “*Có ông anh quen thân*”), còn lý do Hoàng D gọi cho T để nhờ việc trên thì T không biết; khi gặp ông C thì ông C có kể cho T nghe việc gia đình ông C có kinh doanh cơ sở Massage bị Cơ quan Công an bắt về hành vi chứa mại dâm và đang tạm giữ vợ, con ruột của ông C để làm việc. Ông C sợ vợ con bị bắt nên nhờ T xin cho những người này được bảo lãnh, tại ngoại, chi phí như thế nào thì ông C sẽ lo và T đồng ý (ông C nói rõ họ tên những người trên cho T biết, nhưng không nói gì về con rể của ông C cũng bị bắt). Tuy nhiên, T không thỏa thuận gì về chi phí tiền bạc để xin bảo lãnh cho vợ, con của ông C. Việc T đồng ý giúp ông C là do bản thân T có quen biết nhiều cán bộ, chỉ huy đang công tác tại Cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột, nhưng sau đó T chưa gặp hoặc liên hệ với bất cứ ai là người có thẩm quyền hay có ảnh hưởng đến việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật tại cơ sở Massage của gia đình ông C để xin cho người thân của ông C được nhận bảo lãnh như đã nhận lời với ông C. Việc T ghi số tài khoản ngân hàng của T cho ông C là để nếu T xin được cho người nhà của ông C, thì ông C sẽ gửi tiền cảm ơn. Đối với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) có trong tài khoản ngân hàng số 0231000048975 Vietcombank của T (là tiền ông C chuyển đến thông qua tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Văn S vào ngày 10/8/2022), thì do bận chăm con nhỏ, ít dùng điện thoại nên T không biết có tin nhắn thông báo tài khoản ngân hàng của T có số tiền trên chuyển đến (thời điểm này T có con nhỏ khoảng 03 tháng tuổi). Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi xem điện thoại thì T mới biết trong tài khoản có số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), do tài khoản của người tên NGUYEN VAN S chuyển đến. T nghĩ đây là tiền do bạn của chồng là Hoàng Minh Q thuê nhà của vợ chồng T chuyển đến, nên có hỏi Q về nguồn gốc số tiền trên nhưng Q nói không có ai trả tiền cho Q. Vì nghĩ có người chuyển tiền nhầm đến tài khoản ngân hàng của mình, nên T đã gọi điện đến bộ phận chăm sóc khách hàng của ngân hàng Vietcombank thông báo về việc này (việc chuyển nhầm tiền), đồng thời nhờ ngân hàng hỗ trợ để trả lại tiền cho người đã chuyển tiền. Đối với các giao dịch chuyển tiền và rút tiền trong các tài khoản ngân hàng do T đứng tên đăng ký trên (tài khoản của Ngân hàng Vietcombank và MSB) vào ngày 10/8/2022, T khai do vợ chồng T dùng chung tài khoản và thời điểm trên do có con nhỏ nên T ít ra ngoài, nên những giao dịch trên là do Q tự thực hiện và T không rõ mục đích Q chuyển tiền và rút tiền để dùng vào việc gì; T xác nhận vào trưa ngày 10/8/2022, Q nói T chuyển cho Lê Hoàng D mượn số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), nên T đã chuyển số tiền trên đến số tài khoản 02310000554739 Vietcombank của Hoàng D (Hoàng D đã trả lại số tiền này). T khẳng định không nhận số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), trực tiếp từ ông C như ông C đã trình báo và không biết số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), là do ông C chuyển đến tài khoản của T. Ngày 16/02/2024, T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 200.000.000

đồng (hai trăm triệu đồng), để Cơ quan điều tra trả lại cho người chuyển nhằm đến tài khoản ngân hàng của T.

+ Đối với dữ liệu âm thanh do ông Trần Xuân C giao nộp T xác nhận giọng người phụ nữ trong file âm thanh là giọng của T; về nội dung trao đổi ông C đưa cho T số tiền 240.000.000 đồng, thì T sẽ xin cho người nhà của ông C không bị xử lý hình sự (trắng án), T khai: *“Do khi ông C gọi điện T đang bế con nhỏ không để ý nên chỉ nói cho xong việc”*; đối với nội dung ông C yêu cầu tiếp tục xin cho con rể của ông C như thỏa thuận, T khai: *“Nội dung T trả lời ông C ‘hồi sáng em gọi lên trên đó em dặn là hai người là hai người đó là được đi về thôi’”, thực tế T không gọi điện và nhờ ai xin cho vợ, con của ông C được tại ngoại. Do sáng ngày 10/8/2022, ông C chỉ nhờ T xin cho vợ và con ruột của ông C, nên khi ông C nói như vậy T sợ ông C gài để buộc T phải xin cho con rể của ông C được tại ngoại; nội dung khi ông C đòi lại tiền, T nói ‘em đã nói hai người đó em đưa tiền cho người ta rồi anh đòi lại là sao?’”, thì T không giải thích được lý do T nói với ông C như trên mà cho rằng tại thời điểm nghe điện thoại của ông C, thì trong nhà của T có đông người nên T nói nội dung trên với người trong nhà của T”*.

+ Đối với việc T khai đã gọi điện đến bộ phận chăm sóc khách hàng của ngân hàng Vietcombank thông báo về việc có người chuyển nhầm tiền đến tài khoản ngân hàng của T. Tại Văn bản số 1893 ngày 01/02/2024 của Trung tâm hỗ trợ khách hàng thuộc Ngân hàng Vietcombank, thể hiện: Trung tâm ghi nhận số điện thoại 0856721234, là số điện thoại đăng ký Digibank và SMS Banking của khách hàng T đã gọi đến tổng đài 1900545413 của Trung tâm 02 (hai) lần vào các thời điểm: 11:02:54 ngày 14/8/2022 và 08:48:55 ngày 26/8/2022, nội dung thông báo: *“Khách hàng T nhận được 02 giao dịch chuyển tiền tới tài khoản số 0231000048975 của khách hàng, khách hàng không quen người chuyển tiền và khách hàng sẽ đồng ý hoàn trả nếu ngân hàng hỗ trợ”*.

- Hoàng Minh Q khai: Thời điểm trên Q và T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn. Quá trình sinh sống thì hai người sử dụng chung tài khoản ngân hàng số 0231000048975 Vietcombank, nhưng T là người quản lý số tài khoản trên. Do Q có làm kinh doanh bất động sản và ngày 10/8/2022 Q cần tiền đặt cọc mua đất nên đã tự sử dụng điện thoại của T chuyển số tiền 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) từ tài khoản ngân hàng trên đến số tài khoản ngân hàng 0251002689999 Vietcombank của Q, sau đó rút tổng số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) trong tài khoản này của Q đem đi đặt cọc tiền mua đất, nhưng không nhớ đã đặt cọc tiền mua đất cho ai (ngày 11/8/2022, Q tiếp tục chuyển thêm 10.000.000 đồng đến tài khoản của Q); cũng trong ngày 10/8/2022, Lê Hoàng D gọi điện thoại hỏi mượn Q số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), nên Q nói T chuyển khoản số tiền trên cho Hoàng D mượn; giữa Q và T không có tài sản hay bất động sản gì chung để cho thuê, nên không có sự việc vào ngày 10/8/2022, T có hỏi Q về người khác trả tiền thuê tài sản chung; Q không biết gì về việc thỏa thuận giữa T với ông Trần Xuân C và cũng không biết nguồn gốc số tiền Q đã chuyển từ tài khoản của T đến tài khoản của Q.

- Lê Hoàng D khai: Trong thời gian quen biết với T thì có nghe T nói là T có khả năng xin cho người có hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được tại ngoại (T phủ nhận việc nói với Hoàng D như trên). Mặt khác, do thấy T có mối quan hệ thân thiết với một số cán bộ chiến sỹ và lãnh đạo đang công tác trong ngành Công an tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, khi ông Trần Xuân C nhờ tìm người liên hệ xin giúp cho người nhà của ông C được bảo lãnh và không bị xử lý thì Hoàng D nghĩ T có thể giúp được cho ông C nên đã gọi điện nhờ T xin giúp cho ông C. Hoàng D có nói ông C chuẩn bị số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để cảm ơn T nếu T nhận lời, nhưng không thỏa thuận tiền bạc gì với T về việc T giúp ông C. Tuy nhiên, sau khi ông C gặp T thì ông C có gọi điện cho Hoàng D nói về việc T nhận lời giúp ông C với chi phí là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Đến khoảng 11 giờ ngày 10/8/2022, ông C tiếp tục gọi điện thoại cho Hoàng D hỏi về việc đưa tiền cho T có đảm bảo không, thì Hoàng D bảo đảm việc ông C đưa tiền cho T, đồng thời nói T có nhiều mối quan hệ nên nếu ông C đưa tiền cho T thì T sẽ xin được cho người nhà và nhân viên của ông C theo yêu cầu của ông C. Khoảng 17 giờ cùng ngày, ông C gọi điện thoại cho Hoàng D thông báo Công an thành phố Buôn Ma Thuột cho bảo lãnh vợ, con ruột cùng nhân viên của ông C về, còn con rể ông C là Nguyễn Văn P bị tạm giữ và yêu cầu Hoàng D nói T tiếp tục xin cho con rể của ông C. Sau đó, Hoàng D liên lạc với T thì được T cho biết ông C và T chỉ thỏa thuận xin cho vợ và con ruột của ông C, không thỏa thuận xin cho con rể của ông C là anh P. Do bận làm việc ở cơ quan nên Hoàng D hẹn với ông C cuối tuần về sẽ đưa ông C đến gặp T để giải quyết. Ngày 12/8/2022, Hoàng D liên lạc với ông C hẹn đến quán cà phê Bảo Tàng gặp, nói chuyện thì ông C có nói với Hoàng D là đã chuyển cho T số tiền 240.000.000 đồng để xin bảo lãnh cho 06 (sáu) người nhưng T chỉ lo bảo lãnh được 05 (năm) người, đồng thời nói Hoàng D gọi T ra gặp để nói chuyện và nếu cần thêm tiền chi phí thì nói để ông C lo thêm, nếu không phải trả lại số tiền trên cho ông C. Sau đó, Hoàng D gọi điện cho T hẹn đến quán cà phê gặp ông C nói chuyện. Tại đây, ông C yêu cầu T phải trả lại số tiền đã nhận do không thực hiện đúng như thỏa thuận nhưng T không đồng ý, rồi hai bên xảy ra mâu thuẫn. Trong thời gian quen biết thì Hoàng D, Hoàng Minh Q và T thường sử dụng tài khoản ngân hàng để chuyển tiền qua lại cho nhau vay. Ngày 10/8/2022, Hoàng D gọi điện thoại cho Q hỏi mượn số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), đến khoảng 14 giờ cùng ngày Q chuyển số tiền trên cho Hoàng D mượn, còn nguồn gốc số tiền này Q có từ đâu, Hoàng D không biết. Sau đó, Hoàng D đã chuyển trả số tiền trên cho Q.

Tại Kết luận giám định số 1052/KL-KYHS ngày 04/11/2022, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

- + Chữ viết có nội dung “T 0231000048975 VCB” trên tài liệu cần giám định (kí hiệu A) so với chữ viết mang tên T trên các mẫu so sánh (kí hiệu M1, M2), do cùng một người viết ra.

- + Chữ viết có nội dung “Việt con banh” trên tài liệu cần giám định (kí hiệu A) so với chữ viết mang tên T trên các mẫu so sánh (kí hiệu M1, M2), không phải do cùng một người viết ra.

- 01 (một) USB chứa dữ liệu âm thanh do ông C dùng điện thoại di động ghi âm nội dung gọi điện thoại trao đổi với T và Lê Hoàng D về vụ việc trên. Tại bản Kết luận giám định số 1787, ngày 05/5/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng đối với 07 (bảy) tệp âm thanh được lưu trữ trong 01 (một) USB do ông C giao nộp, thể hiện:

+ Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định;

+ Tiếng nói của người đàn ông xưng “anh” trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định nêu ở mục 1.1 đến mục 1.7 (ký hiệu “C” trong bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) và tiếng nói của Trần Xuân C trong mẫu so sánh là của cùng một người;

+ Tiếng nói của người đàn ông xưng “em” trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định nêu ở mục 1.2 đến mục 1.6 (ký hiệu “Hoàng D” trong bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) và tiếng nói của Lê Hoàng D trong mẫu so sánh là của cùng một người;

+ Tiếng nói của người phụ nữ xưng “em” trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định nêu ở mục 1.1 đến mục 1.7 (ký hiệu “T” trong bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) và tiếng nói của T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

+ Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng đã dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định thành dạng đọc được, thể hiện: Nội dung liên quan đến việc trao đổi giữa ông C với Hoàng D và giữa T với ông C về việc ông C đưa tiền cho T để nhờ T xin cho người nhà của ông C không bị xử lý hình sự trong vụ việc chứa mại dâm được Cơ quan Công an phát hiện tại cơ sở Massage của gia đình ông C vào ngày 09/8/2022.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 126/2025/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Lê Thị T **07 năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Tính thu số tiền 200.000.000 đồng do bị cáo T tự nguyện giao nộp và trả số tiền này cho ông Trần Xuân C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/5/2025, bị cáo T kháng cáo kêu oan.

- Ngày 05/6/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS-P7, kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm do đánh giá chưa đầy đủ, toàn diện bản chất nội dung vụ án, có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T giữ nguyên kháng cáo và không thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã kết tội. Còn ông Trần Xuân C tại phiên tòa đã xác nhận toàn bộ nội dung vụ án như Bản án sơ thẩm đã đề cập là hoàn toàn đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm và phát biểu quan điểm:

- Đối với kháng cáo của bị cáo T, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan sai nên việc bị cáo T kháng cáo kêu oan là không có cơ sở.

- Mặc dù Lê Hoàng D không có sự bàn bạc, thỏa thuận gì với bị cáo T về việc T nhận tiền của ông C để xin cho người thân của ông C được tại ngoại và không bị xử lý hình sự. Tuy nhiên, Lê Hoàng D là người giới thiệu bị cáo T cho ông C để ông C liên hệ với T, trong khi đó Lê Hoàng D biết rõ bị cáo T là người không có chức vụ, quyền hạn gì trong việc giải quyết tại ngoại cho người thân của ông C, khi ông C thấy không đảm bảo việc đưa tiền cho T thì Lê Hoàng D đã đứng ra đảm bảo việc đưa tiền cho T là để ông C tin tưởng hơn, Lê Hoàng D còn đưa ra thông tin không đúng sự thật, tạo sự tin tưởng để ông C chuyển tiền cho T và T đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Trong vụ án này Lê Hoàng D đã thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nhưng Cấp sơ thẩm không điều tra, truy tố, xét xử đối với Lê Hoàng D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là bỏ lọt người phạm tội.

Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và một phần kháng cáo của bị cáo T: Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2025/HSST, ngày 08/5/2025 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk để điều tra lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo T, thì thấy:

Mặc dù, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng căn cứ vào lời khai của ông Trần Xuân C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định giọng nói, kết luận

giám định chữ viết, sao kê tài khoản Ngân hàng của bị cáo T và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 10/8/2022 bị cáo T có nhận của ông C số tiền 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản để lo tại ngoại và không bị xử lý về trách nhiệm hình sự cho người nhà của ông C. Mặc dù bị cáo T là người không có thẩm quyền, không có khả năng tác động đến người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc vi phạm pháp luật bị phát hiện tại cơ sở Massage của gia đình ông C nhưng bị cáo T đã nhận lời theo yêu cầu của ông C, xin cho người thân của ông C không bị xử lý theo quy định của pháp luật nhằm chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng nêu trên của ông C để tiêu xài cá nhân.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2025/HSST, ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – tỉnh Đắk Lắk) đã xét xử bị cáo T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, do bị cáo T kêu oan nên trong giai đoạn điều tra lại vụ án cũng cần đấu tranh làm rõ thêm về hành vi của bị cáo T theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng Cấp sơ thẩm không điều tra, truy tố, xét xử đối với Lê Hoàng D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với vai trò là đồng phạm với bị cáo T, thì thấy:

Ngày 09/8/2022, ông Trần Xuân C gọi điện thoại cho ông Lê Hoàng D nhờ ông Lê Hoàng D liên hệ xin bảo lãnh cho vợ, con và 03 nhân viên của cơ sở massage của ông C thì ông Lê Hoàng D đồng ý. Do quen biết T là người có nhiều mối quan hệ rộng và có quen với những người có thẩm quyền có khả năng xin bảo lãnh, tại ngoại và không bị xử lý trách nhiệm hình sự (trắng án) cho vợ, con và nhân viên của ông C nên Lê Hoàng D gọi điện thoại cho bị cáo T kể lại sự việc của gia đình ông C và nhờ bị cáo T xin bảo lãnh, tại ngoại cho vợ, con và 03 nhân viên thì T đồng ý. Lê Hoàng D nhắn tin gửi số điện thoại của T cho ông C để ông C trực tiếp liên hệ với T. Sau đó, ông C đã liên hệ với T thỏa thuận xin bảo lãnh, tại ngoại và không bị xử lý hình sự cho vợ, con và 03 nhân viên nữ với số tiền 240.000.000 đồng và thông báo cho Hoàng D biết, đồng thời ông C hỏi ông Lê Hoàng D về việc đưa tiền cho T có đảm bảo không thì Lê Hoàng D trả lời là sẽ chịu trách nhiệm và đảm bảo cam đoan việc ông C đưa tiền cho T thì T sẽ lo được việc xin bảo lãnh, tại ngoại và không bị xử lý cho vợ, con ông C nên ông C tin tưởng và chuyển số tiền 200.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng cho T.

Như vậy, hành vi của ông Lê Hoàng D giới thiệu ông C là người nhờ giúp giải quyết công việc (đưa tiền hối lộ) với bị cáo T là người sẽ giúp ông C giải quyết công việc theo yêu cầu của ông C và thực tế ông C đã chuyển tiền cho T, T đã nhận, sau đó ông C báo lại cho Lê Hoàng D biết việc này. Ông Lê Hoàng D là người trung gian để kết nối giữa ông C và bị cáo T nhằm hướng đến với mục đích để bị cáo T dùng số tiền 240.000.000 đồng này (bị cáo T chỉ thừa nhận có nhận 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của ông Nguyễn Văn S, còn số tiền 40.000.000 đồng ông C khai đưa trực tiếp cho bị cáo

T thì T không thừa nhận) liên hệ với người có chức vụ, quyền hạn giải quyết giúp cho gia đình của ông C được bảo lãnh tại ngoại và không bị xử lý trách nhiệm hình sự khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý về hành vi chứa mại dâm tại cơ sở massage của gia đình ông C. Mặc dù, bị cáo T không dùng số tiền trên để đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người trực tiếp thụ lý giải quyết hồ sơ vụ việc chứa mại dâm tại cơ sở massage của gia đình ông C thì hành vi của ông Lê Hoàng D là có dấu hiệu của tội phạm “*Môi giới hối lộ*” quy định tại Điều 365 Bộ luật Hình sự.

Còn kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng mặc dù ông Lê Hoàng D không có sự bàn bạc, thỏa thuận gì với bị cáo T về việc T nhận tiền của ông C để xin cho người thân của ông C được tại ngoại. Tuy nhiên, ông Lê Hoàng D là người giới thiệu bị cáo T cho ông C để ông C liên hệ với T, trong khi đó Lê Hoàng D biết rõ bị cáo T là người không có chức vụ, quyền hạn gì trong việc giải quyết tại ngoại cho người thân của ông C, khi ông C nghi ngờ việc đưa tiền cho T không đảm bảo thì Lê Hoàng D đã đứng ra cam đoan việc đưa tiền cho T là đảm bảo và để ông C tin tưởng hơn, Lê Hoàng D còn đưa ra thông tin không đúng sự thật, tạo sự tin tưởng để ông C chuyển tiền cho T và T đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Trong vụ án này, hành vi của Lê Hoàng D đã thực hiện với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nhưng Cấp sơ thẩm không điều tra, truy tố, xét xử đối với Lê Hoàng D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là bỏ lọt người phạm tội.

Do vậy, để giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện và triệt để thì trong quá trình điều tra lại vụ án cần phải xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ, điều tra làm rõ để tránh bỏ lọt người phạm tội cũng như có sự đánh giá, xác định chính xác về tội danh đối với người phạm tội nếu hành vi của Lê Hoàng D có đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

[3]. Ngoài ra, trong vụ án này ông Trần Xuân C là người biết rõ về hành vi vi phạm pháp luật tại cơ sở massage Đại K của gia đình ông, nên ông C đã nhờ ông Lê Hoàng D tìm người có chức vụ, quyền hạn hoặc người có khả năng giúp đỡ để xin cho người thân của C không bị xử lý theo quy định của pháp luật. Mặt khác, khi thỏa thuận và đưa tiền cho bị cáo T thì ông C nhận thức được là T sẽ dùng số tiền của ông C đã đưa và mong muốn để bị cáo T sẽ liên hệ và tác động đến người có chức vụ, quyền hạn trong việc giải quyết vụ việc vi phạm pháp luật tại cơ sở massage của gia đình C nhằm xin cho người thân của C không bị xử lý theo quy định của pháp luật; mặc dù bị cáo T không tác động đến người có thẩm quyền rồi chiếm đoạt số tiền đó tiêu xài cá nhân thì thấy hành vi của ông C đã có dấu hiệu của tội phạm “*Đưa hối lộ*” theo quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự nên tiếp tục đấu tranh điều tra làm rõ để tránh bỏ lọt tội phạm.

[4]. Ngoài ra cũng cần tiếp tục điều tra làm rõ về hành vi của các đối tượng có liên quan đến vụ án như việc ông Nguyễn Văn S là người cho ông C mượn tiền và biết được việc ông C mượn tiền là để chuyển cho bị cáo T; số tiền ông S chuyển vào tài khoản của T thì ông Hoàng Minh Q là người sử dụng số tiền này và làm rõ các đối tượng có liên quan khác.

[5]. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung với nội dung như đã nhận định ở trên.

Do cấp sơ thẩm điều tra, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và đánh giá chưa đầy đủ, toàn diện và triệt để của bản chất nội dung vụ án, có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội, nên cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và một phần kháng cáo của bị cáo T hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2025/HSST, ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tỉnh Đắk Lắk) để điều tra, truy tố, xét xử lại vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về án phí: Do hủy Bản án nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và một phần kháng cáo của bị cáo T.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2025/HSST, ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - tỉnh Đắk Lắk); Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - tỉnh Đắk Lắk để điều tra lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1;
- VKSND khu vực 1;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr

